

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 3 - 2025
V/v hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Sang và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐ – HPT ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Huyền T** sinh năm 1995; nơi cư trú: Số nhà I N, tổ I, phường Q, TP ., tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân T1** sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị T vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân T1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 25/12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị đi làm ăn xa, anh T1 không còn quan tâm, liên lạc, thiếu tôn trọng chị và gia đình chị. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Chị được biết hiện nay anh T1 đã sống chung với người phụ nữ khác. Do vợ chồng không còn yêu thương nhau,

mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T1 không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh ngày 03/12/2024, UBND xã T cung cấp:*

- Về nơi cư trú của anh T1: Anh T1 có nơi cư trú tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. UBND xã không có thông tin anh T1 đăng ký tạm trú tại nơi khác. Tại thời điểm xác minh anh T1 không có mặt tại nơi cư trú. Theo thân nhân của anh T1 cung cấp thì anh T1 đang lao động tự do tại miền N, không có địa chỉ cụ thể.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 có kết hôn hợp pháp. Sau đó anh chị thường xuyên đi lao động tự do nên địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn. Khi chị T xin ly hôn anh T1, đại diện địa phương và Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân của anh T1. Địa diện địa phương cũng đã trực tiếp gọi điện cho anh T1 qua số điện thoại 0337.975.147, anh T1 xác nhận đã được chị T và Tòa án thông báo về việc chị T xin ly hôn anh và vụ án đang được Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết nhưng anh T1 từ chối đưa ra quan điểm về việc giải quyết vụ án mà đề nghị Tòa án giải quyết theo thẩm quyền.

Về con chung: Anh T1 và chị T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung giữa anh T1 và chị T địa phương không nắm được. Tại địa phương, không có cơ quan tổ chức, cá nhân yêu cầu anh T1 và chị T trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là từ bỏ quyền của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền T ly hôn anh Nguyễn Xuân T1; Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị T phải

chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thay đổi nơi thường trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 25/12/2017. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến cả hai sống ly thân trong thời gian dài. Quá trình giải quyết vụ án, chị T vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh T1. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1, anh T1 đã biết việc chị T xin ly hôn anh nhưng anh không đưa ra quan điểm và không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh T1 không còn tha thiết đoàn tụ với chị T. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T xác định chị T và anh T1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền T ly hôn anh Nguyễn Văn T2.

2. *Về con chung*: Không đặt ra giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004303 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị T và anh T2 vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

